

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số: 43 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 /06 /2024
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Trần Đức Hoà.

[2]. Bà Võ Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 07 tháng 06 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 92/ TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc " Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Điều T; sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ : Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Thị H ; sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Điều T xin Toà án giải quyết vắng mặt, Theo đơn khởi kiện ngày 09/05/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Trước đó tôi cũng có chung sống với bà Thị Brê vào năm 1985, tôi chung sống song song với 2 người vợ cùng một lúc, nhưng thực tế theo quy định của pháp luật thì mỗi quan hệ giữa tôi và bà Thị H không được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân, bởi tôi sống với bà Hôn sau ngày luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực. Đối với quan hệ hôn nhân giữa tôi với bà Thị Brê sống năm 1985 là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận. Vì vậy, để theo đúng quy định của pháp luật thì nay tôi làm đơn này đề nghị Toà án nhân dân huyện Bù Đăng tuyên bố quan hệ giữa tôi Điều T với bà Thị H không có quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 04 con chung là Điều C, sinh năm 1988; Điều Th B, sinh năm 1996; Điều Th P, sinh năm 1998; Điều Th D, sinh năm: 2000. Do các con đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Thị H xin Tòa án giải quyết vắng mặt, qua lời khai trình bày nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác nhận quan hệ hôn nhân giữa tôi với ông Điều T là đúng, chúng tôi chung sống từ năm 1988, nhưng do kém hiểu biết nên chúng tôi không đăng ký kết hôn với nhau; ông Tôn trước đó cũng sống với người khác cũng không có đăng ký kết hôn. Nay tôi nhận thấy mối quan hệ giữa tôi với ông Tôn là không hợp pháp nên tôi đồng ý với yêu cầu của ông Tôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tuyên bố quan hệ giữa tôi Điều T với bà Thị H không có quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 04 con chung là Điều C, sinh năm 1988; Điều Th B, sinh năm 1996; Điều Th P, sinh năm 1998; Điều Th D, sinh năm: 2000. Do các con đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Điều T có sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn với bà Thị H, nay ông Điều T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Thị H, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình”, theo Khoản 8, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: ông Điều T và bà Thị H tự nguyện chung sống từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, các bên đều thừa nhận là đúng, nay ông Điều T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Thị H.

Vì vậy Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, căn cứ điểm b mục 03 NQ 35/ QH của Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Điều T với bà Thị H.

[4]. Về con chung: Các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Điều T nộp 300.000đ theo luật định, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009196 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ, điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/ QH của Quốc Hội.

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm b,khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Điều T với bà Thị H .

[3]. Về con chung: Các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4].Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5].Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]Về án phí: Ông Điều T nộp 300.000đ theo luật định, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009196 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên